TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 10 - 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Thanh

Bà Nguyễn Thị Hà

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lê Văn Thịnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị C; sinh năm: 1987; nơi cư trú: Thôn 1, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

- *Bị đơn*: Anh Vũ Văn T; sinh năm: 1970; nơi cư trú: Thôn 1, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà có mặt anh T, vắng mặt chị C. Chị C đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/6/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị C trình bày: Chị và anh Vũ Văn T kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 04/7/2007 tại Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận đến tháng 12/2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả. Thời gian kéo dài khiến chị vô cùng mệt mỏi. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ giữa năm

2016 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Văn T, sinh ngày 17/02/2008. Hiện cháu đang ở với chị. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị C không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Vũ Văn T trình bày: Về ngày kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như nguyên đơn trình bày. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị C.

Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Văn T, sinh ngày 17/02/2008. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Tại phiên toà, anh đồng ý giao cháu T cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị C.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị C đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, anh T đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Phạm Thị C được ly hôn anh Vũ Văn T. Giao cháu Vũ Văn T, sinh ngày 17/02/2008 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh Vũ Văn T không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh T theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

[2] Anh T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh T đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

[3] Chị C đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1

điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt chị C.

[4] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị C và anh Vũ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04/7/2007 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, vấn đề này cũng đã được UBND xã T xác nhận. Chị C và anh T đều có nguyện vọng muốn ly hôn. Điều đó chứng tỏ chị C, anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nghĩ nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị C được ly hôn anh T.

[5] Về con cái: Chị Phạm Thị C và anh Vũ Văn T có 01 con chung. Hiện cháu đang ở với chị C. Chị C và anh T đều có nguyện vọng giao cháu T cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu T hiện nay đang sinh sống cùng chị C, cháu có nguyện vọng muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho cháu, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị C và anh T, giao cháu T cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến của chị C, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị C.

[6] Về tài sản: Chị C, anh T không yêu cầu nên miễn xét.

[7] Về án phí: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị C được ly hôn anh Vũ Văn T.

2. Về con cái: Giao cháu Vũ Văn T, sinh ngày 17/02/2008 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị C.

Anh T có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị C phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2016/0003677 ngày 14/6/2019. Chị C đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh T, vắng mặt chị C. Anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị C có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì

người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thành;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Nguyễn Thị Cúc